

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển
nông thôn tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính và báo cáo việc thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 149/TTr-NNPTNT ngày 26/01/2015 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 36/STP-KSTTHC ngày 19/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 05 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi (có danh mục kèm theo).

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức niêm yết công khai và giải quyết các thủ tục hành chính nêu tại Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Sở Tư pháp đăng nhập các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính chậm nhất trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thủ tục hành chính không được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được công bố tại Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 25/2/2013 và Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Bộ Tư pháp);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các phòng N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, NC_{lmo47}.



CHỦ TỊCH

Lê Viết Chữ

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2015
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*



**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN**

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản				
1	T-QNG-271183-TT	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc thẩm quyền cấp tỉnh quản lý.	Bổ sung lệ phí.	Quyết định số 4464/QĐ-BNN-QLCL ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung về công bố thủ tục hành chính trong Quyết định số 693/QĐ-BNN-QLCL ngày 08/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	T-QNG-271184-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn (tỉnh quản lý)	Bổ sung lệ phí.	Quyết định số 4464/QĐ-BNN-QLCL ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung về công bố thủ tục hành chính trong Quyết định số 693/QĐ-BNN-QLCL ngày 08/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3	T-QNG-271185-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất,	Bổ sung lệ phí.	Quyết định số 4464/QĐ-BNN-QLCL ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung về công bố thủ

		kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên chứng nhận ATTP (tính quản lý)		tục hành chính trong Quyết định số 693/QĐ-BNN-QLCL ngày 08/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
4	T-QNG-250315-TT	Đăng ký lần đầu xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm.	Bãi thu lệ phí.	Thông tư số 74/2014/TT-BTC bãi bỏ Thông tư số 154/2009/TT-BTC ngày 30/7/2009 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo.
5	T-QNG-250316-TT	Đăng ký lại xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm.	Bãi thu lệ phí.	Thông tư số 74/2014/TT-BTC bãi bỏ Thông tư số 154/2009/TT-BTC ngày 30/7/2009 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo.

PHẦN II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc thẩm quyền cấp tỉnh quản lý (*)

a) Trình tự thực hiện TTHC:

- Đối với cá nhân, tổ chức:

Cơ sở nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Quảng Ngãi).

- Đối với cơ quan giải quyết TTHC:

+ **Bước 1:** Trong thời gian 3 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm tra hồ sơ kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở do đơn vị đã thực hiện hoặc tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (nếu cần hoặc trong trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra, đánh giá phân loại).

+ **Bước 3:** Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc không cấp Giấy chứng nhận ATTP khi đó phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện TTHC:

- Gửi văn bản trực tiếp; fax, e-mail, mạng điện tử; qua đường bưu điện tới Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Quảng Ngãi (243/1 đường Nguyễn Công Phương – TP Quảng Ngãi).

- Thời gian tiếp nhận và hoàn trả kết quả: Vào giờ hành chính của tất cả các ngày trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết, thứ Bảy và Chủ nhật).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ đăng ký bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc Quyết định thành lập (Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 01/2013/TT-BNNPTNT.

+ Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được các cơ quan có chức năng quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh.

+ Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe.

+ Giấy chứng nhận ATTP (đối với trường hợp cơ sở có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC: Cơ quan quản lý chuyên ngành trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Quảng Ngãi).

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Các cơ sở sản xuất kinh doanh do cấp Trung ương, cấp tỉnh hoặc Phòng Đăng ký kinh doanh tại Khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục II;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm theo Phụ lục III;

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận và Bản thuyết minh ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản và thay thế một số biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

Phí:

- Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản đủ điều kiện ATTP: 500.000đ/lần/cơ sở (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

- *Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm nông lâm sản và thủy sản (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính):*

+ *Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 1.000.000đ/lần/cơ sở.*

+ *Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≤ 100 triệu đồng/tháng: 2.000.000đ/lần/cơ sở.*

+ *Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu > 100 triệu đồng/tháng: 3.000.000đ/lần/cơ sở.*

- *Phí kiểm tra định kỳ cơ sở sản xuất thực phẩm nông lâm sản và thủy sản (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính):*

+ *Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 500.000đ/lần/cơ sở.*

+ *Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≤ 100 triệu đồng/tháng: 1.000.000đ/lần/cơ sở.*

+ *Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu > 100 triệu đồng/tháng: 1.500.000đ/lần/cơ sở.*

Lệ phí:

- *Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000 đồng/lần cấp (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính).*

- *Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm sản: 150.000 đồng/lần cấp (biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính). (*)*

i) Kết quả thực hiện TTHC:

- *Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất nông lâm thủy sản.*

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- *Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

- *Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh*

doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản;

- Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản và thay thế một số biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT;

- Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản;

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Quyết định số 4464/QĐ-BNN-QLCL ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung về công bố thủ tục hành chính trong Quyết định số 693/QĐ-BNN-QLCL ngày 08/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phụ lục II

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM¹**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan kiểm tra)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:

2. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:

3. Điện thoạiFax Email.....

4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:

5. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị(tên cơ quan kiểm tra)..... cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại:

Đại diện cơ sở

(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

-

-

¹ Phụ lục được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản và thay thế một số biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011, có hiệu lực từ ngày 17/02/2013.

Phụ lục III

BẢN THUYẾT MINH CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm ...

BẢN THUYẾT MINH

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại: Fax: Email:
4. Loại hình sản xuất, kinh doanh
DN nhà nước DN 100% vốn nước ngoài
DN liên doanh với nước ngoài DN Cổ phần
DN tư nhân Khác
(ghi rõ loại hình)
5. Năm bắt đầu hoạt động:
6. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:
7. Công suất thiết kế:
8. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
9. Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/	

² Phụ lục được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản và thay thế một số biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011, có hiệu lực từ ngày 17/02/2013.

			xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh..... m², trong đó:

+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm : m²

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh : m²

+ Khu vực đóng gói thành phẩm : m²

+ Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: m²

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : m²

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng

Nước giếng khoan

Hệ thống xử lý: Có

Không

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất

Mua ngoài

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: người, trong đó:
 - + Lao động trực tiếp:người.
 - + Lao động gián tiếp: người.
- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:
- Tập huấn kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:
- Nhân công làm vệ sinh: người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,...)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:
-
- Thuê ngoài Tên những PKN gửi phân tích:

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

2. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn (tính quân lý) (*)

a) Trình tự thực hiện TTHC:

- Đối với cá nhân, tổ chức:

Trước 06 (sáu) tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP trong trường hợp tiếp tục sản xuất kinh doanh đến cơ quan quản lý chuyên ngành trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Quảng Ngãi).

- Đối với cơ quan giải quyết TTHC:

+ **Bước 1:** Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP của cơ sở, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận ATTP phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu hồ sơ không đầy đủ.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận ATTP thực hiện thẩm tra hồ sơ kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở do đơn vị đã thực hiện, hoặc tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (nếu cần hoặc trong trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra, đánh giá phân loại).

+ **Bước 3:** Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hoặc không cấp Giấy chứng nhận ATTP thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện TTHC:

- Gửi văn bản trực tiếp; fax, e-mail, mạng điện tử; qua đường bưu điện tới Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Quảng Ngãi (243/1 đường Nguyễn Công Phương – TP Quảng Ngãi).

- Thời gian tiếp nhận và hoàn trả kết quả: Vào giờ hành chính của tất cả các ngày trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết, thứ Bảy và Chủ nhật).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm, hoặc Quyết định thành lập (Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều

kiện an toàn thực phẩm theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 01/2013/TT-BNNPTNT.

+ Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được các cơ quan có chức năng quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh.

+ Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe.

+ Giấy chứng nhận ATTP (đối với trường hợp cơ sở có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC: Cơ quan quản lý chuyên ngành trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Quảng Ngãi).

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Các cơ sở sản xuất kinh doanh do cấp Trung ương, cấp tỉnh hoặc Phòng Đăng ký kinh doanh tại Khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo mẫu tại phụ lục II ;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm theo Phụ lục III;

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận và Bản thuyết minh ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản và thay thế một số biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

Phí:

- Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản đủ điều kiện ATTP: 500.000đ/lần/cơ sở (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

- *Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm nông lâm sản và thủy sản (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính):*

+ *Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 1.000.000đ/lần/cơ sở.*

+ *Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≤ 100 triệu đồng/tháng: 2.000.000đ/lần/cơ sở.*

+ *Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu > 100 triệu đồng/tháng: 3.000.000đ/lần/cơ sở.*

- *Phí kiểm tra định kỳ cơ sở sản xuất thực phẩm nông lâm sản và thủy sản (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính):*

+ *Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 500.000đ/lần/cơ sở.*

+ *Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≤ 100 triệu đồng/tháng: 1.000.000đ/lần/cơ sở.*

+ *Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu > 100 triệu đồng/tháng: 1.500.000đ/lần/cơ sở.*

Lệ phí:

- *Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000 đồng/lần cấp (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính).*

- *Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm sản: 150.000 đồng/lần cấp (biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính). (*)*

i) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận cơ sở an toàn thực phẩm.

k) Điều kiện thực hiện TTHC: Không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản;

- Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính hướng

dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản;

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Quyết định số 4464/QĐ-BNN-QLCL ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung về công bố thủ tục hành chính trong Quyết định số 693/QĐ-BNN-QLCL ngày 08/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phụ lục II
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM³

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (Tên cơ quan kiểm tra)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

2. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

3. Điện thoạiFax Email.....

4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:

5. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị(tên cơ quan kiểm tra)..... cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại:

Đại diện cơ sở

(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

-

-

³ Phụ lục được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013³ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản và thay thế một số biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011, có hiệu lực từ ngày 17/02/2013.

Phụ lục III

BẢN THUYẾT MINH CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM⁴

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm ...

BẢN THUYẾT MINH

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại: Fax: Email:
4. Loại hình sản xuất, kinh doanh
DN nhà nước DN 100% vốn nước ngoài
DN liên doanh với nước ngoài DN Cổ phần
DN tư nhân Khác
(ghi rõ loại hình)
5. Năm bắt đầu hoạt động:
6. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:
7. Công suất thiết kế:
8. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
9. Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

⁴ Phụ lục được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản và thay thế một số biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011, có hiệu lực từ ngày 17/02/2013.

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh..... m², trong đó:

+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm : m²

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh : m²

+ Khu vực đóng gói thành phẩm : m²

+ Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: m²

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : m²

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng

Nước giếng khoan

Hệ thống xử lý: Có

Không

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất

Mua ngoài

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: người, trong đó:
 - + Lao động trực tiếp: người.
 - + Lao động gián tiếp: người.
- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:
- Tập huấn kiến thức về ATTP:
- 6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...
- Tần suất làm vệ sinh:
- Nhân công làm vệ sinh: người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.
- 7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

- 8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,....)
- 9. Phòng kiểm nghiệm
 - Của cơ sở Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:
.....
 - Thuê ngoài Tên những PKN gửi phân tích:
- 10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

3. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên chứng nhận ATTP (tỉnh quản lý) (*)

a) Trình tự thực hiện TTHC:

- Đối với cá nhân, tổ chức:

Cơ sở nộp hồ sơ tới cơ quan quản lý chuyên ngành trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Quảng Ngãi)

- Đối với cơ quan giải quyết TTHC:

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiến hành kiểm tra hồ sơ và xem xét cấp hoặc không cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (trường hợp không cấp phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do).

b) Cách thức thực hiện TTHC:

- Gửi văn bản trực tiếp; fax, e-mail, mạng điện tử; qua đường bưu điện tới Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Quảng Ngãi (243/1 đường Nguyễn Công Phương – TP Quảng Ngãi).

- Thời gian tiếp nhận và hoàn trả kết quả: Vào giờ hành chính của tất cả các ngày trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết, thứ Bảy và Chủ nhật).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết TTHC: 05 ngày làm việc.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC: Cơ quan quản lý chuyên ngành trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Quảng Ngãi).

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Các cơ sở sản xuất kinh doanh do cấp Trung ương, cấp tỉnh hoặc Phòng Đăng ký kinh doanh tại Khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh

doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản và thay thế một số biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

Phí:

- Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản đủ điều kiện ATTP: 500.000đ/lần/cơ sở (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

- Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm nông lâm sản và thủy sản (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính):

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 1.000.000đ/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≤ 100 triệu đồng/tháng: 2.000.000đ/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu > 100 triệu đồng/tháng: 3.000.000đ/lần/cơ sở.

- Phí kiểm tra định kỳ cơ sở sản xuất thực phẩm nông lâm sản và thủy sản (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính):

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 500.000đ/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≤ 100 triệu đồng/tháng: 1.000.000đ/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu > 100 triệu đồng/tháng: 1.500.000đ/lần/cơ sở.

Lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000 đồng/lần cấp (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính).

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm sản: 150.000 đồng/lần cấp (biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính). (*)

i) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận cơ sở an toàn thực phẩm, mẫu Giấy chứng nhận ATTP quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận: Trùng với thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cũ.

k) Điều kiện thực hiện TTHC: Không

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản;

- Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản;

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Quyết định số 4464/QĐ-BNN-QLCL ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung về công bố thủ tục hành chính trong Quyết định số 693/QĐ-BNN-QLCL ngày 08/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phụ lục II
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM⁵

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (Tên cơ quan kiểm tra)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

2. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

3. Điện thoạiFax Email.....

4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:

5. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị(tên cơ quan kiểm tra)..... cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại:

Đại diện cơ sở

(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

-

-

⁵ Phụ lục được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản và thay thế một số biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011, có hiệu lực từ ngày 17/02/2013.

4. Đăng ký lần đầu xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (*)

a) Trình tự thực hiện:

- Đối với cá nhân, tổ chức:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xin đăng ký, xác nhận, hủy bỏ xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm đến trực tiếp Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Quảng Ngãi để được hướng dẫn lập hồ sơ theo quy định.

- Đối với cơ quan giải quyết TTHC:

+ **Bước 1:** Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký của cơ sở, Cơ quan thường trực phải thẩm tra tính pháp lý và nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ thiếu, không hợp lệ thì hướng dẫn, bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định để người nộp làm lại cho kịp thời.

+ **Bước 2:** Trong thời gian không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, cơ quan thường trực thực hiện: (1) Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm đối với trường hợp thẩm định đạt yêu cầu hoặc (2) Thông báo đối với trường hợp thẩm định không đạt yêu cầu.

b) Cách thức thực hiện:

+ Gửi văn bản trực tiếp; Fax, E-mail, mạng điện tử; Qua đường bưu điện tới Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản, Thủy sản tỉnh Quảng Ngãi (243/1 Nguyễn Công Phương - TP Quảng Ngãi)

+ Thời gian tiếp nhận, hoàn trả kết quả: Vào giờ hành chính của tất cả các ngày trong tuần (trừ ngày lễ, tết, thứ 7 và Chủ nhật).

c) Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (theo mẫu tại Phụ lục 01 kèm theo Thủ tục này);

+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc kết quả kiểm tra, đánh giá điều kiện an toàn thực phẩm của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực (áp dụng với cơ sở sản xuất, kinh doanh trong nước);

+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp của cơ sở sản xuất kinh doanh;

+ Bản sao có chứng thực Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy (đối với sản phẩm phải công bố hợp quy), công bố hợp chuẩn (nếu có);

+ Tài liệu khoa học liên quan để chứng minh tính chất, công dụng đặc thù của sản phẩm như nội dung đăng ký quảng cáo;

+ Đối với sản phẩm biến đổi gen, chiếu xạ nhập khẩu phải có giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) và các tài liệu khác có liên quan theo quy định pháp luật;

+ Bản dự thảo nội dung dự kiến quảng cáo (video, clip, hình ảnh, phóng sự, bài viết);

+ Giấy ủy quyền của cơ sở (áp dụng đối với trường hợp đăng ký xác nhận quảng cáo bởi người kinh doanh dịch vụ quảng cáo);

d) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

e) Thời hạn giải quyết: 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

h) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Quảng Ngãi.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Quảng Ngãi.

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm.

Thời hạn hiệu lực đối với Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm căn cứ vào hiệu lực của Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc kết quả kiểm tra, đánh giá điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực (áp dụng đối với cơ sở sản xuất trong nước).

k) Lệ phí: Không. (*)

l) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phụ lục 01: Mẫu Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (áp dụng với trường hợp đăng ký lần đầu).

m) Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ sở có hồ sơ đăng ký đầy đủ và phù hợp theo quy định;

+ Sản phẩm thực phẩm được sản xuất từ cơ sở đáp ứng quy định về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc sản phẩm của cơ sở/quốc gia có tên trong danh sách được cơ quan thẩm quyền Việt Nam cho phép nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định;

+ Nội dung quảng cáo thực phẩm chính xác, đúng chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm (ATTP) như đã công bố và đăng ký.

n) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật An toàn thực phẩm được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 17/6/2010 và Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

+ Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2011 Quy định về đăng ký và xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Quyết định số 1076/QĐ-BNN-QLCL ngày 10/5/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phụ lục 01
Mẫu giấy đề nghị

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên tổ chức/cá nhân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

....., ngày.....tháng.....năm

Số fax:.....

Email:

GIẤY ĐỀ NGHỊ
XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỰC PHẨM
(Áp dụng đối với trường hợp đăng ký lần đầu)

Số:.....

Kính gửi: [Tên cơ quan thường trực]

Căn cứ các quy định tại Thông tư số /2011/TT-BNNPTNT ngày..... tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và để đáp ứng nhu cầu quảng cáo thực phẩm của [Cơ sở]; đề nghị [tên cơ quan thường trực] xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm, cụ thể như sau:

1. Thông tin liên quan đến sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Nội dung quảng cáo	Phương tiện quảng cáo (tên báo/ đài truyền hình ...)	Thời gian dự kiến quảng cáo

2. Các hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định:

.....
.....

Tôi xin cam đoan các thông tin và hồ sơ nêu trên là đúng sự thật và cam kết thực hiện quảng cáo sản phẩm thực phẩm theo đúng nội dung đã đăng ký và được xác nhận.

Đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

5. Đăng ký lại xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (*)

a) Trình tự thực hiện:

- Đối với cá nhân, tổ chức:

+ **Bước 1:** Cá nhân có nhu cầu xin đăng ký, xác nhận, hủy bỏ xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm đến trực tiếp Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Quảng Ngãi để được hướng dẫn lập hồ sơ theo quy định.

+ **Bước 2:** Nộp hồ sơ tại Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Quảng Ngãi. Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký của cơ sở, Cơ quan thường trực phải thẩm tra tính pháp lý và nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ thiếu, không hợp lệ thì hướng dẫn, bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định để người nộp làm lại cho kịp thời.

- Đối với cơ quan giải quyết TTHC:

Trong thời gian không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, cơ quan thường trực thực hiện: (1) Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm đối với trường hợp thẩm định đạt yêu cầu hoặc (2) Thông báo đối với trường hợp thẩm định không đạt yêu cầu.

b) Cách thức thực hiện:

+ Gửi văn bản trực tiếp; Fax, E-mail, mạng điện tử; Qua đường bưu điện tới Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản, Thủy sản tỉnh Quảng Ngãi (243/1 Nguyễn Công Phương - TP Quảng Ngãi)

+ Thời gian tiếp nhận, hoàn trả kết quả: Vào giờ hành chính của tất cả các ngày trong tuần (trừ ngày lễ, tết, thứ 7 và Chủ nhật).

c) Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (theo mẫu tại Phụ lục 02 kèm theo Thủ tục này);

+ Bản thuyết minh kèm theo các tài liệu sửa đổi, bổ sung liên quan đến việc thay đổi nội dung quảng cáo thực phẩm;

+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc kết quả kiểm tra, đánh giá điều kiện an toàn thực phẩm của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực (áp dụng với cơ sở sản xuất, kinh doanh trong nước);

+ Bản dự thảo nội dung dự kiến quảng cáo (video clip, hình ảnh, phóng sự, bài viết);

d) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

l) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Quảng Ngãi;

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Quảng Ngãi.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm.

Thời hạn hiệu lực đối với Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm căn cứ vào hiệu lực của Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc kết quả kiểm tra, đánh giá điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực (áp dụng đối với cơ sở sản xuất trong nước).

h) Lệ phí: Không. (*)

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Phụ lục 02: Mẫu Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (áp dụng đối với trường hợp đăng ký cấp lại).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật An toàn thực phẩm được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 17/6/2010 và Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

+ Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2011 Quy định về đăng ký và xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Quyết định số 1076/QĐ-BNN-QLCL ngày 10/5/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phụ lục 02

Mẫu giấy đề nghị

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên tổ chức/cá nhân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số điện thoại:.....

....., ngày.....tháng.....năm

Số fax:.....

Email:

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỰC PHẨM
(Áp dụng đối với trường hợp đăng ký lại)**

Số:.....

Kính gửi: [Tên cơ quan thường trực]

Ngày tháng năm, cơ sở đã được cơ quan [tên cơ quan thường trực] xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm (số); tuy nhiên,[lý do đăng ký lại]; đề nghị [tên cơ quan thường trực] xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm, cụ thể như sau:

1. Thông tin liên quan đến sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Nội dung quảng cáo	Phương tiện quảng cáo (tên báo/ đài truyền hình ...)	Thời gian dự kiến quảng cáo

2. Các hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định:

.....

Tôi xin cam đoan các thông tin và hồ sơ nêu trên là đúng sự thật và cam kết thực hiện quảng cáo sản phẩm thực phẩm theo đúng nội dung đã đăng ký và được xác nhận.

Đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)